

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2021

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, tranh chấp về tài sản chung khi
ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hồng Thạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuân.
2. Ông Phạm Thanh Trà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Huynh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 458/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2021; Thông báo thay đổi lịch xét xử số 388/TB-TA ngày 20/8/2021; Thông báo thay đổi lịch xét xử số 407/TB-TA ngày 31/8/2021; Thông báo thay đổi lịch xét xử số 448/TB-TA ngày 15/9/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22/9/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Thanh H – sinh năm 1988.

Địa chỉ: 148, Tổ 4, ấp PL4, xã PS, huyện TP, tỉnh ĐN.

- Bị đơn: Anh Trần Văn M – sinh năm 1978.

Địa chỉ: 148, Tổ 4, ấp PL4, xã PS, huyện TP, tỉnh ĐN.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Thanh H, sinh năm 1953 và bà Đỗ Thị S, sinh năm 1957

Bà Đỗ Thị S ủy quyền cho ông Huỳnh Thanh H (theo văn bản ủy quyền ngày 28/10/2020)

Địa chỉ: 148, Tổ 4, ấp PL4, xã PS, huyện TP, tỉnh ĐN.

(Nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 10 năm 2020 và lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn chị H trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Chị và anh M tự nguyện kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Sơn, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn bất hòa, do anh M không quan tâm đến gia đình, không chăm lo kinh tế cho gia đình, nhiều lần xúc phạm, dùng hành vi bạo lực với chị và cha mẹ ruột chị. Vợ chồng đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Hiện nay vợ chồng đã không còn sống chung với nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Do tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn anh M.

- Con chung: Vợ chồng có 04 con chung là Trần Huỳnh Thanh D, sinh ngày 21/10/2007, Trần Huỳnh Thanh T, sinh ngày 31/8/2009, Trần Huỳnh Thanh T, sinh ngày 26/9/2012 và Trần Huỳnh Thanh H, sinh ngày 09/5/2020. Hiện nay tất cả con chung đều chưa thành niên và do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị có công việc, thu nhập ổn định đủ điều kiện nuôi dưỡng con nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung. Chị yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng 1.000.000đ/cháu/tháng.

- Tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Vào năm 2019, vợ chồng có vay của ông Huỳnh Thanh H, Đỗ Thị S số tiền 100.000.000đ. Số tiền này vợ chồng vẫn chưa trả xong cho ông H, bà S. Chị với ông H, bà S tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu giải quyết.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 10 năm 2020 và lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thanh H, Đỗ Thị S do ông H đại diện trình bày:

Chị H là con của ông bà. Năm 2019 ông bà có vay của Ngân hàng 100.000.000đ cho anh M, chị H vay lại lấy vốn làm ăn. Đến nay anh M, chị H chưa trả hết tiền gốc. Ông bà đã khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh M chị H phải trả số tiền 100.000.000đ, yêu cầu này đã được Tòa án thụ lý. Nay chị H và ông bà đã thỏa thuận giải quyết với nhau nên ông rút đơn khởi kiện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không đến Tòa án để làm việc, cũng không gửi, giao tài liệu, chứng cứ trình bày ý kiến của mình. Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của các đương sự tại địa phương và thông báo kết quả thu thập được tài liệu, chứng cứ gửi đến các đương sự. Tòa án đã triệu tập phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Bị đơn vắng mặt, Tòa án đã Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tổng đạt theo đúng quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự

kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai nên đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Tòa án có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của chị H. Về hôn nhân: Cho chị H được ly hôn với anh M. Về con chung: Giao các con chung Trần Huỳnh Thanh D, sinh ngày 21/10/2007, Trần Huỳnh Thanh T, sinh ngày 31/8/2009, Trần Huỳnh Thanh T, sinh ngày 26/9/2012 và Trần Huỳnh Thanh H, sinh ngày 09/5/2020 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh M cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

Về tài sản chung: Tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có tranh chấp.

Nợ chung: Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông bà Huỳnh Thanh H, Đỗ Thị S đối với số tiền 100.000.000đ.

Chị H phải chịu 300.000đ tiền án phí về ly hôn.

Anh M phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Ông H, bà S được miễn nộp tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Áp dụng pháp luật tố tụng:

- Bị đơn có nơi cư trú tại xã Phú Sơn, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh M; yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Ông H bà S khởi kiện yêu cầu anh M, chị H phải trả tiền vay. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con, chia tài sản chung (giải quyết nợ chung)” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị H là nguyên đơn, anh M là bị đơn, các ông Huỳnh Thanh H, Đỗ Thị S là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

- Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã được cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do vì vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Chị H và anh M tự nguyện kết hôn năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Sơn, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Trên cơ sở lời khai của đương sự; tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập thể hiện: Trong thời gian sống chung giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn không thể hòa giải, hàn gắn. Nguyên nhân do giữa vợ chồng xảy ra bất đồng quan điểm; hiện nay vợ chồng không còn sống chung, không còn quan tâm, chăm sóc yêu thương nhau.

Chị H khởi kiện, anh M đã biết được việc Tòa án thụ lý vụ án, được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến phản đối các yêu cầu khởi kiện của chị H, cũng không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án. Cho thấy anh M không mong muốn hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, tiếp tục chung sống với nhau.

Như vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Các đương sự đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ giữa vợ và chồng; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, làm hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không được liên tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về nuôi con: Vợ chồng có 04 con chung chưa thành niên là Trần Huỳnh Thanh D, sinh ngày 21/10/2007, Trần Huỳnh Thanh T, sinh ngày 31/8/2009, Trần Huỳnh Thanh T, sinh ngày 26/9/2012 và Trần Huỳnh Thanh H, sinh ngày 09/5/2020. Hiện tại các con chung do chị H nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị H yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con và yêu cầu anh M cấp dưỡng hàng tháng mỗi tháng 1.000.000đ cho mỗi cháu.

Anh M biết việc chị H tranh chấp quyền được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh phải cấp dưỡng nuôi con nhưng không có ý kiến phản đối. Qua kết quả xác minh tại địa phương nhận thấy: Từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau cho đến nay, con chung thực tế do chị H nuôi dưỡng, chị H có việc làm ổn định, chăm sóc nuôi dưỡng cháu tốt. Cháu các con chung D, T, T đều có nguyện vọng được ở với chị H. Do đó, để ổn định cuộc sống của con chung Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, giao các con chung chưa thành niên Trần Huỳnh Thanh D, Trần Huỳnh Thanh T, Trần Huỳnh Thanh T và Trần Huỳnh Thanh H cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng.

Về mức cấp dưỡng nuôi con chị H yêu cầu. Nhận thấy do không có ý kiến của anh M về mức cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định của pháp luật và tình hình thực tế ở địa phương để quyết định. Do anh M không trực tiếp nuôi các con nên buộc anh phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền là 1.000.000đ/cháu/tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 10/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

- Về tài sản: Nguyên đơn trình bày không có. Do không có ý kiến của bị đơn nên sẽ được giải quyết bằng vụ việc khác khi có yêu cầu.

Nợ chung: Ông H, bà S có đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Việc rút yêu cầu này là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của ông H, bà S.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ tiền án phí về ly hôn.

Anh M phải nộp 300.000đ tiền án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Ông H, bà S là người trên 60 tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên được miễn nộp.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 235, 238, 273, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 89, 91, 92, 93 và 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thanh H.

1.1. Về hôn nhân: Cho chị Huỳnh Thị Thanh H được ly hôn với anh Trần Văn M.

1.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có 04 con chung chưa thành niên là Trần Huỳnh Thanh D, sinh ngày 21/10/2007, Trần Huỳnh Thanh T, sinh ngày 31/8/2009, Trần Huỳnh Thanh T, sinh ngày 26/9/2012 và Trần Huỳnh Thanh H, sinh ngày 09/5/2020. Giao các con chung Trần Huỳnh Thanh D, Trần Huỳnh Thanh T, Trần Huỳnh Thanh T và Trần Huỳnh Thanh H cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung hàng tháng với số tiền là 1.000.000đ/cháu/tháng (một triệu đồng), thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 10/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

1.3. Về tài sản chung: Giải quyết bằng vụ án khác khi có tranh chấp.

Nợ chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Thanh H, bà Đỗ Thị S đối với số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

2. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Thanh H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0003752 ngày 22/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai sẽ chuyển thành án phí.

Anh Trần Văn M phải nộp 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng.

Ông Huỳnh Thanh H và bà Đỗ Thị S là người trên 60 tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên được miễn nộp.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Phú Sơn, huyện Tân Phú (Số 73, ngày 03/10/2006) để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hồng Thạnh